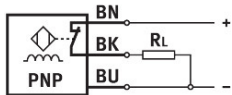
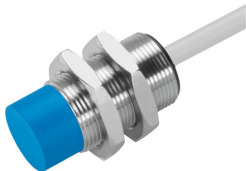


**Cảm biến tiệm cận**  
**SIEN-M18NB-PO-K-L**  
Số bộ phận: 150430

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                             | Giá trị                                                                                        |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                 | EN 60947-5-2                                                                                   |
| Giấy phép                            | Dấu RCM<br>c UL us - Listed (OL)                                                               |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)  | theo chỉ thị EMC của EU                                                                        |
| Ghi chú vật liệu                     | Tuân thủ RoHS                                                                                  |
| Khoảng cách chuyển đổi định mức      | 8 mm                                                                                           |
| Khoảng cách chuyển mạch được đảm bảo | 6.48 mm                                                                                        |
| Các hệ số giảm thiểu                 | Nhôm = 0,5<br>Thép không gỉ St 18/8 = 0,8<br>Đồng = 0,4<br>Đồng thau = 0,5<br>Thép St 37 = 1,0 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh       | -25 °C...70 °C                                                                                 |
| Độ chính xác lặp lại                 | 0.4 mm                                                                                         |
| Đầu ra chuyển mạch                   | PNP                                                                                            |
| Chức năng phần tử chuyển mạch        | Cơ cấu mở                                                                                      |
| Độ trễ                               | 0.88 mm                                                                                        |
| Tần số chuyển mạch tối đa            | 2000 Hz                                                                                        |
| Dòng điện đầu ra tối đa              | 200 mA                                                                                         |
| Sụt áp                               | 2 V                                                                                            |
| Chống chịu ngắn mạch                 | theo chu kỳ                                                                                    |
| Dải điện áp hoạt động DC             | 10 V...30 V                                                                                    |
| Dao động                             | +/- 20 %                                                                                       |
| Dòng điện chạy không tải             | 10 mA                                                                                          |
| Chống phân cực                       | cho tất cả các kết nối điện                                                                    |
| Cổng nối điện                        | 3 lõi<br>Cáp                                                                                   |
| Chiều dài cáp                        | 2.5 m                                                                                          |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                  | TPE-U(PUR)                                                                                     |
| Kích thước                           | M18x1                                                                                          |
| Kiểu gắn                             | với đai ốc khóa                                                                                |
| Mô men xoắn siết                     | 20 N m                                                                                         |
| Loại cài đặt                         | không khít                                                                                     |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                             |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm                                        | 105 g                               |
| Vật liệu vỏ                                                 | Đồng thau<br>PBTP<br>mạ niken       |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch                             | Đèn LED màu vàng                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -5 °C...70 °C                       |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP67                                |
| Độ chịu điện áp xung                                        | 0.8 KV                              |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L                      |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                                   |
| Lựa chọn thông tin cảm biến bổ sung                         | với giới hạn chuyển mạch tiêu chuẩn |
| Đầu ra điện                                                 | PNP                                 |
| Lựa chọn phiên bản cảm biến                                 | Tiêu chuẩn                          |